TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bẩy.

Ông Ngô Đức Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Duy C, sinh năm 1993; trú tại H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Chu Thị Cẩm T, sinh năm 1992; trú tại thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-7-2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Duy C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị Cẩm T kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vào ngày 30-01-2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xích mích. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Chu Thị Cẩm T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 12-9-2015 và Bùi Nhật A, sinh ngày 03-7-2017. Nguyện vọng của anh là muốn nuôi hai con chung. Tuy nhiên, anh nhất trí để hai con chung cho chị Chu Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị Cẩm T trình bày tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Duy C được tự do tìm hiểu, được sự đồng ý, cho phép của gia đình hai bên. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 30-01-2015. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh C làm dâu ngay và vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh C đi làm ăn ở Thái Nguyên và đến cuối năm 2021 thì chị phát hiện việc anh C nảy sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên nhủ anh C nhưng anh C không thay đổi. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị không đồng ý ly hôn. Hơn nữa chị cũng có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, các con chung vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của bố, mẹ. Nếu anh C kiên quyết xin ly hôn với chị, chị đề nghị Tòa án giair quyết theo quy định.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung như anh C trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng không thể hòa giải mà phải ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giao hai con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 12-9-2015 và Bùi Nhật A, sinh ngày 03-7-2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị sống chung với bố mẹ anh C tại thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Công việc của chị là lao động tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con phát triển đảm bảo. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 11 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn anh Bùi Duy C và bị đơn chị Chu Thị Cẩm T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu

thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Duy C, cho anh Bùi Duy C được ly hôn với chị Chu Thị Cẩm T.

- Về con chung: Giao cho chị Chu Thị Cẩm T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 12-9-2015 và Bùi Nhật A, sinh ngày 03-7-2017. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Bùi Duy C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi Duy C có đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Chu Thị Cẩm T. Bị đơn chị Chu Thị Cẩm T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Duy C và bị đơn chị Chu Thị Cẩm T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Duy C, chị Chu Thị Cẩm T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Anh Bùi Duy C và chị Chu Thị Cẩm T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P,

huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 30 tháng 01 năm 2015. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Nguyên đơn cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình. Bị đơn chị Chu Thị Cẩm T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và chị trình bày anh C có quan hệ, tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C và chị T là có thật. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Bùi Duy C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Tòa án hòa giải nhưng anh C vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị T.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Bùi Duy C và chị Chu Thị Cẩm T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Bùi Duy C và chị Chu Thị Cẩm T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Duy C được ly hôn chị Chu Thị Cẩm T. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho anh Bùi Duy C được ly hôn với chị Chu Thị Cẩm T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 12-9-2015 và Bùi Nhật A, sinh ngày 03-7-2017. Quá trình hòa giải, cả anh C và chị T đều thống nhất nếu vợ chồng ly hôn thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Bùi Ngọc Q và Bùi Nhật A cho chị Chu Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Bùi Duy C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Duy C được ly hôn với chị Chu Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Ngọc Q, sinh ngày 12-9-2015 và Bùi Nhật A, sinh ngày 03-7-2017 cho chị Chu Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Duy C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Bùi Duy C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010990 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Bùi Duy C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường